ĐẤT NƯỚC

TRÍCH TRƯỜNG CA "MẶT ĐƯỜNG KHÁT VỌNG"

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả:

- Nguyễn Khoa Điềm là một trong số những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

- Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp hài hòa giữa xúc cảm nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước, con người Việt nam.

I. TÌM HIỂU CHUNG

2. Tác phẩm:

- **Xuất xứ:** ***phần đầu chương V*** **của bản trường ca** ***Mặt đường khát vọng.***
- **Sáng tác tại chiến khu Trị - Thiên năm 1971 và gửi ra Bắc in lần đầu năm 1974.**
- **Đoạn trích thể hiện sinh động tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân" của NKĐ.**

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

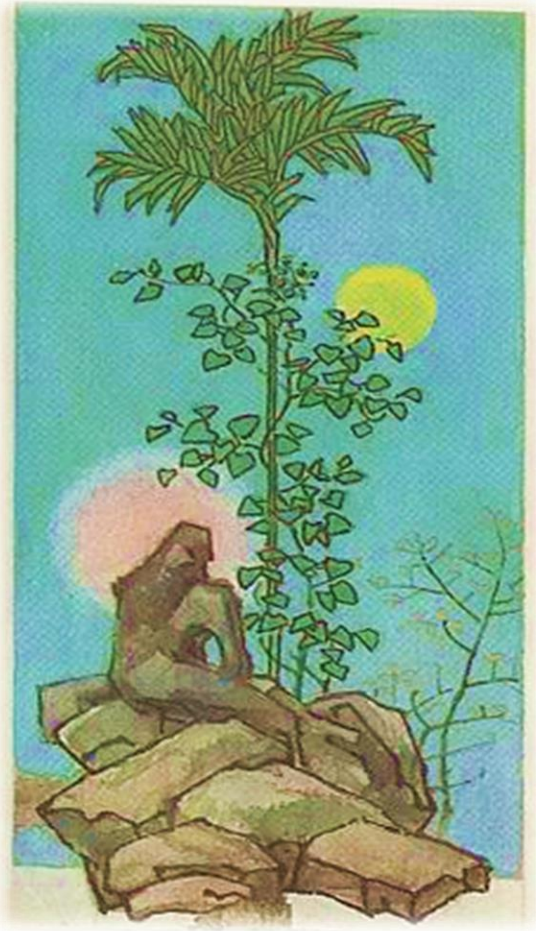

1. Phần 1 (42 câu đầu): Những cảm nhận mới mẻ về Đất Nước

a. 9 câu đầu: "Đất Nước có từ bao giờ?"

- Câu thơ mở đầu: sự hiện hiện hữu của Đất Nước đối:

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

+ "ta": vừa là nhân vật trữ tình vừa là mỗi chúng ta – những người dân đất Việt.

+ *"đã có rồi"* → hàm chứa lòng tự hào về lịch sử lâu đời của Đất Nước.

+ Cách viết hoa *"Đất Nước"* → cho thấy lòng tự hào sâu sắc, tình cảm thiêng liêng thành kính.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

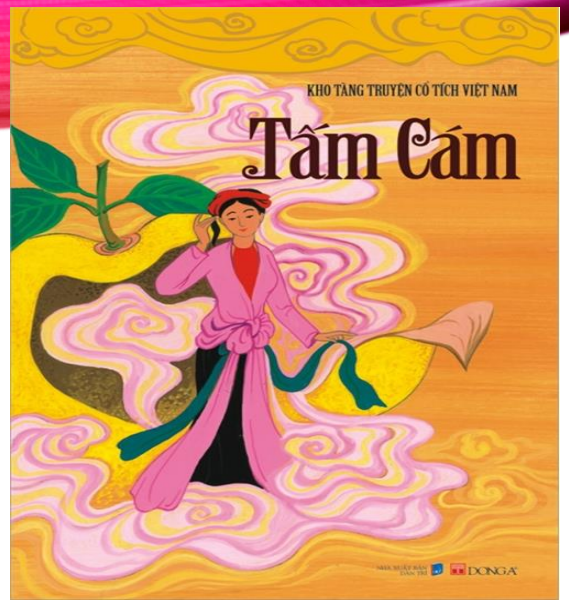

1. Phần 1 (42 câu đầu):

a. 9 câu đầu: "Đất Nước có từ bao giờ?"

- 7 câu tiếp theo: Đất Nước hiện lên qua những *chi tiết đời thường gần gũi và bình dị* :

+ Đất Nước có trong câu chuyện cổ tích *"ngày xửa ngày xưa mẹ thường hay kể"*

+ Đất Nước có trong hình ảnh *"miếng trầu bây giờ bà ăn"*

→ gợi người đọc nhớ đến tục ăn trầu và truyện cổ tích *"Trầu Cau"*, ca ngợi tình nghĩa vợ chồng son sắt, tình cảm anh em bền chặt.

+ Đất Nước gắn liền với lịch sử đấu tranh của dân tộc qua truyền thuyết *"Thánh Gióng"*

→ hình thành *truyền thống yêu nước* quý báu của người Việt Nam ta.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

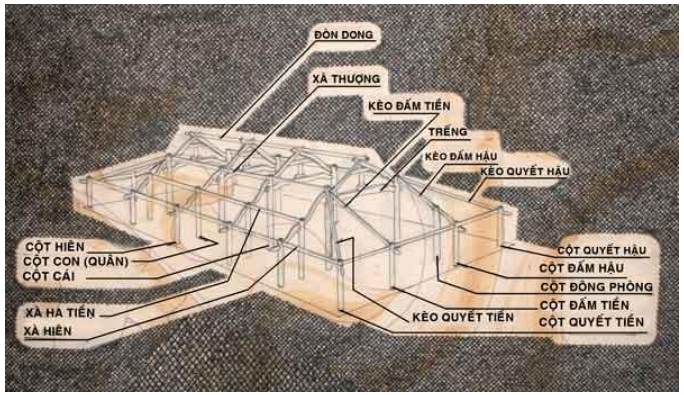

1. Phần 1 (42 câu đầu):

a. 9 câu đầu: "Đất Nước có từ bao giờ?"

- 7 câu tiếp theo: Đất Nước hiện lên qua những *chi tiết đời thường gần gũi và bình dị* :

+ Đất Nước còn gắn với phong tục tập quán quen thuộc *"Tóc mẹ thì bới sau đầu"* và đạo lí tốt đẹp lâu đời của dân tộc, tình nghĩa thủy chung vợ chồng *"Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn"*

+ Đất Nước gắn với những hình ảnh *"cái kèo cái cột"* thân thuộc hàng ngày, gắn với quá trình lao động cần cù, lam lũ *"một nắng hai sương"* để tạo ra hạt lúa và lúa chỉ biến thành gạo khi qua quá trình *"xay, giã, giần, sàng"* của người nông dân tay lắm chân bùn.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1 (42 câu đầu):

a. 9 câu đầu: "Đất Nước có từ bao giờ?"

- 9 câu thơ đầu kết thúc bằng lời khẳng định về lịch sử lâu dài của ĐN:

Đất Nước có từ ngày đó...

"Ngày đó" cũng chính là "ngày xửa ngày xưa", khi *"dân mình biết trồng tre đánh giặc"*, khi *"tóc mẹ thì bới sau đầu"*, khi *"cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn"...*

→ ***ĐN sinh thành và phát triển chính từ những phong tục tập quán, những truyền thống văn hóa, lịch sư lâu đời của dân tộc.***

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1 (42 câu đầu):

b. 20 câu tiếp theo: "Đất Nước là gì?"

- Cảm nhận về ĐN trên phương diện KG - ĐL:

+ Đất Nước là không gian gần gũi, gắn bó với mỗi người:

. Là nơi gắn với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày:

Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm

. Là nơi gắn với kỉ niệm tình yêu đôi lứa:

Đất Nước là nơi ta hò hẹn

Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1 (42 câu đầu):

b. 20 câu tiếp theo: "Đất Nước là gì?"

- Cảm nhận về ĐN trên phương diện KG - ĐL:

+ Đất Nước gắn liền với những không gian mênh mông, giàu đẹp:

Đất là nơi "con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc"

Nước là nơi "con cá ngư ông móng nước biển khơi"

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1 (42 câu đầu):

b. 20 câu tiếp theo: "Đất Nước là gì?"

- Cảm nhận về ĐN trên phương diện KG - ĐL:

+ Đất Nước còn là không gian sinh tồn, nơi phát sinh và phát triển của cộng đồng người Việt:

. Đất Nước là nơi *"dân mình đoàn tụ",* quây quần bên nhau tạo nên dáng hình xứ sở.

. ĐN còn là nơi gắn liền với cội nguồn của dân tộc: *Đất là nơi Chim về | Nước là nơi Rồng ở*

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1 (42 câu đầu):

b. 20 câu tiếp theo: "Đất Nước là gì?"

- Cảm nhận về ĐN trên phương diện thời gian - lịch sử:

+ Thời gian lịch sử của ĐN hiện ra trước hết trong những huyền thoại đẹp đẽ và bay bổng về buổi đầu lập nước:

Lạc Long Quân và Âu Cơ

Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1 (42 câu đầu):

b. 20 câu tiếp theo: "Đất Nước là gì?"

- Cảm nhận về ĐN trên phương diện thời gian - lịch sử:

+ Thời gian lịch sử của Đất Nước cũng hiện lên qua những câu thơ gợi nhắc đến *các thế hệ người Việt, đến truyền thuyết các vua Hùng và ngày giỗ Tổ*:

Những ai đã khuất

Những ai bây giờ

Yêu nhau và sinh con đẻ cái

Gánh vác phần người đi trước để lại

Dặn dò con cháu chuyện mai sau

Hằng năm ăn đâu làm đâu

Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1 (42 câu đầu):

b. 20 câu tiếp theo: "Đất Nước là gì?"

- Cảm nhận về ĐN trên phương diện TG – LS:

+ Thời gian lịch sử của Đất Nước cũng hiện lên qua những câu thơ gợi nhắc đến *các thế hệ...*:

. Những câu thơ còn nhắc đến truyền thống *"uống nước nhớ nguồn"* của dân tộc Việt, đến những câu ca dao thiết tha về ngày giỗ Tổ:

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mồng mười tháng ba
Dù ai xuôi ngược đường xa
Nhớ ngày giỗ Tổ tháng ba mà về.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1 (42 câu đầu):

c. 13 câu cuối: "Đất Nước có ở đâu?"

*** Đất Nước có trong mỗi con người:**

- Đất Nước tồn tại trong mỗi cá nhân:

Trong anh và em hôm nay

Đều có một phần Đất Nước

+ Đất Nước hiện hữu *"trong anh và em"*, trở thành cái tồn tại bên trong đời sống tâm hồn mỗi con người *"hôm nay"*.

+ *"Hôm nay"* là sự kết tinh của hôm qua. Sự tồn tại của mỗi cá nhân là sự thể hiện cụ thể, sinh động của Đất Nước. Thế nên trong mỗi chúng ta đều có *"một phần Đất Nước"*.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1 (42 câu đầu):

c. 13 câu cuối:

*** Đất Nước có trong mỗi con người:**

- Mối quan hệ giữa Đất Nước và mỗi giữa cá nhân được biểu hiện qua hai hình ảnh thật sâu sắc:

Khi hai đứa cầm tay nhau

Đất Nước trong chúng ta hài hoà nồng thắm

Khi chúng ta cầm tay mọi người

Đất Nước vẹn tròn to lớn

+ Hình ảnh *"cầm tay"* là sự biểu hiện cụ thể của mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với cộng đồng.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1 (42 câu đầu):

c. 13 câu cuối:

*** Đất Nước có trong mỗi con người:**

- Mối quan hệ giữa Đất Nước và mỗi giữa cá nhân được biểu hiện qua hai hình ảnh thật sâu sắc:

+ Khi anh và em *"cầm tay nhau"*, gắn bó, son sắt thủy chung thì Đất Nước trong mỗi chúng ta sẽ *"hài hòa, nồng thắm"*,

+ nhưng chỉ khi chúng ta *"cầm tay mọi người"* thì Đất Nước mới *"vẹn tròn, to lớn"*.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1 (42 câu đầu):

c. 13 câu cuối:

*** Đất Nước có trong mỗi con người:**

- Viễn cảnh của Đất Nước được NKĐ thể hiện trong một ẩn dụ lãng mạn và bay bổng:

Mai này con ta lớn lên

Con sẽ mang Đất Nước đi xa

Đến những tháng ngày mơ mộng

+ Đất Nước sẽ được xây dựng giàu đẹp hơn, phồn thịnh hơn trong ngày mai khi *"con ta lớn lên"*.

+ Mang trong mình bao khát vọng của thế hệ trước, thế hệ đi sau sẽ *"mang Đất Nước đi xa"*, đến những *"tháng ngày mơ mộng"*.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1 (42 câu đầu):

c. 13 câu cuối:

*** Lời nhắn nhủ về trách nhiệm của mỗi cá nhân với Đất Nước:**

- Cách xưng hô thân mật:

Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình

→ Đất Nước tồn tại trong chúng ta, là một phần máu xương của chúng ta nên *phải trân trọng và yêu thương* như chính bản thân mình.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1 (42 câu đầu):

c. 13 câu cuối:

*** Lời nhắn nhủ về trách nhiệm của mỗi cá nhân với Đất Nước:**

- Mỗi cá nhân phải có trách nhiệm với Đất Nước:

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên Đất Nước muôn đời.

+ Mỗi chúng ta mang trong mình một phần của Đất Nước, do đó phải biết *"gắn bó và san sẻ"* để cái riêng hòa vào cái chung, để tình yêu lan tỏa khắp nơi nơi.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

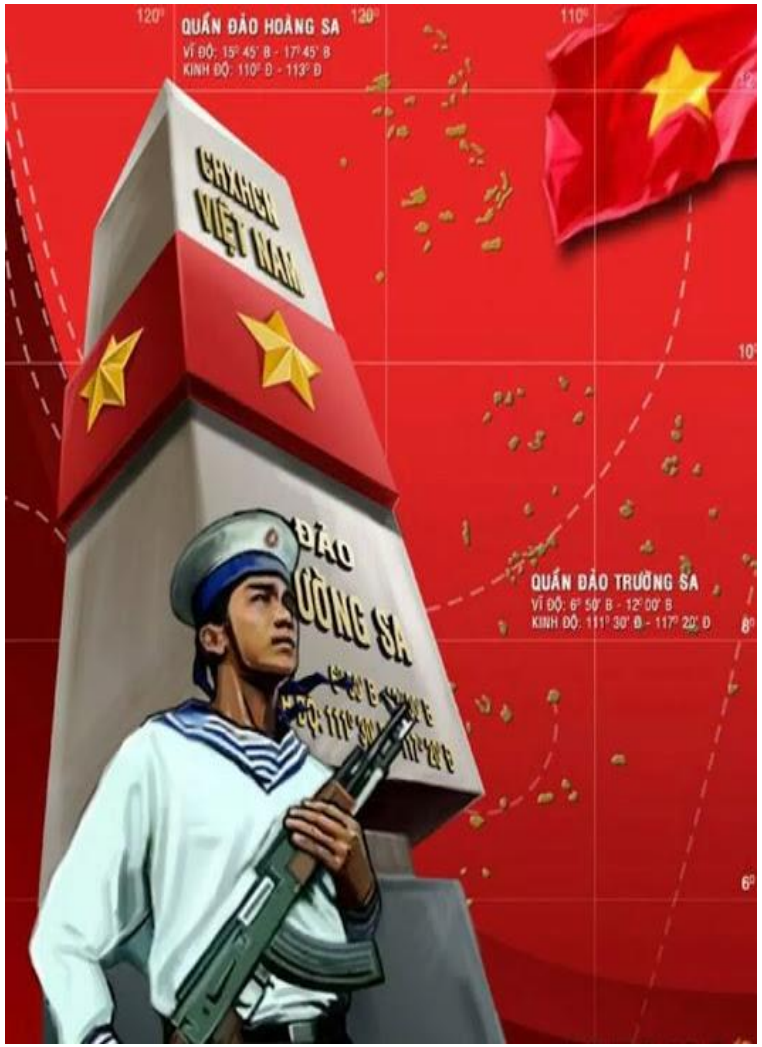

1. Phần 1 (42 câu đầu):

c. 13 câu cuối:

*** Lời nhắn nhủ về trách nhiệm của mỗi cá nhân với Đất Nước:**

- Mỗi cá nhân phải có trách nhiệm với Đất Nước:

+ Mỗi cá nhân còn phải biết *"hóa thân cho dáng hình xứ sơ"* → tự nguyện hiến dâng, hòa nhập và quên mình vì Đất Nước.

→ Lời nhắn gửi chân thành của NKĐ dành cho thế hệ trẻ cũng như bản thân: Cần có trách nhiệm giữ gìn, xây đắp, làm nên *"Đất Nước muôn đời"*.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân"

2.1. Câu 43 – 54: Nhân dân làm nên KG – ĐL của ĐN

a. 8 câu đầu: Không gian địa lý của Đất Nước được cảm nhận từ những huyền thoại dân gian

- Sự tích **núi Vọng Phu** không chỉ gợi ra cảnh li tán trong chiến tranh mà còn ca ngợi **tình nghĩa thủy chung** của ***"những người vợ nhớ chồng".***

- Câu chuyện về **hòn Trống Mái** trở thành biểu tượng cho **sự son sắt vĩnh hằng** của t.yêu đôi lứa.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân"

2.1. Câu 43 – 54: Nhân dân làm nên KG – ĐL của ĐN

a. 8 câu đầu: Không gian địa lý của Đất Nước được cảm nhận từ những huyền thoại dân gian

- Những ao đầm mà *"gót ngựa Thánh Gióng đi qua"* tượng trưng cho truyền thống yêu nước và sức mạnh bất khuất của dân tộc.

- Những ngọn đồi thấp bao quanh núi Hi Cương trở thành *"chín mươi chín con voi"* quây quần thuần phục quanh đền thờ các vua Hùng, chứng tích cho sự đồng thuận của lòng dân hướng về đất Tổ.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân"

2.1. Câu 43 – 54: Nhân dân làm nên KG – ĐL của ĐN

a. 8 câu đầu: Không gian địa lý của Đất Nước được cảm nhận từ những huyền thoại dân gian

+ Tên gọi *Núi Bút non Nghiên* gợi đến một Đất Nước nghìn năm văn hiến với truyền thống hiếu học, vượt khó vươn lên của Nhân dân.

+ Những địa danh ở vùng cực Nam đất nước xa xôi như *"Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm"* tượng trưng cho tinh thần xả thân vì cộng đồng, đức tính cần cù, siêng năng, dũng cảm trong lao động sáng tạo của Nhân dân ta.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân"

2.1. Câu 43 – 54:

a. 8 câu đầu:

- **Nghệ thuật liệt kê, điệp từ *"góp"* và những cách diễn đạt trùng điệp *"góp cho... góp nên... góp mình... góp tên..."* thể hiện cách nhìn mới mẻ của NKĐ về không gian địa lý của ĐN.**

→ Chính Nhân dân tạo dựng nên Đất Nước, đã đặt tên, in dấu ấn sâu đậm lên dáng hình của quê hương xứ sở.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân Dân"

2.1. Câu 43 – 54:

b. 4 câu cuối: Lời khẳng định và ca ngợi công lao của ND với ĐN

- Hai câu đầu: Sự hóa thân của Nhân dân vào bóng hình Đất Nước

Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi

....Những cuộc đời đã hóa núi sông ta

→ **Nhân dân không chỉ góp cho Đất Nước những dáng hình tươi đẹp mà còn gửi vào đó "*một ao ước, một lối sống cha ông*".**

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân Dân"

2.1. Câu 43 – 54:

b. 4 câu cuối:

- Ở hai câu cuối, hình tượng thơ được nâng dần lên và chốt lại bằng hai câu thơ đầy xúc động:

Ôi ĐN sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy

Những cuộc đời đã hóa núi sông ta

→Sự đóng góp về mồ hôi, xương máu của Nhân dân trong quá trình dựng nước và giữ nước

→ Khẳng định, ca ngợi sức mạnh kì diệu, sự hóa thân kì diệu của những con người vô danh để làm nên *"núi sông ta"*.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân Dân"

2.2. Câu 55 – 89: Nhân dân làm nên TG-LS của ĐN

a. Vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước:

- **Nhân vật trữ tình cất tiếng gọi thiết tha hướng đến người con gái yêu thương cùng suy tư, hoài niệm về vai trò của Nhân dân trong *"bốn nghìn năm Đất Nước"*:**

Em ơi em

Hãy nhìn rất xa

Vào bốn nghìn năm Đất Nước

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân"

2.2. Câu 55 – 90:

a. Vai trò của Nhân dân...:

- Trong dòng niệm ấy, cả anh và em đã nhận thấy hình ảnh của Nhân dân:

+ *"người người lớp lớp", "con trai, con gái", "bốn nghìn lớp người"* → sự đông đảo vô cùng của Nhân dân.

+ Nhân dân không được nhắc đến với tư cách cá nhân bởi sự đóng góp của họ là vô hạn, thầm lặng và lớn lao trong chiều dài *"bốn nghìn năm Đất Nước"*.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân"

2.2. Câu 55 – 89:

a. Vai trò của Nhân dân...:

- Cách sống, cách nghĩ và khẳng định công lao của Nhân dân:

+ Nhân dân hiện lên trong cách sống *"giản dị"* và cách nghĩ *"bình tâm"*:

. Thuở thanh bình thì *"cần cù lạm lụng"*, một nắng hai sương, bán mặt cho đất, bán lưng cho trời.

. Khi giặc đến xâm phạm biên cương thì *"người con trai ra trận"*, *"người con gái trở về nuôi cái cùng con"*, giặc tràn đến quê hương thì người con gái cũng kiên cường chống giặc với truyền thống *"giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh"*.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân Dân"

2.2. Câu 55 – 90:

b. Vai trò của Nhân dân trong sự sáng tạo, duy trì, bảo vệ các giá trị vật chất và tinh thần:

- Hàng loạt các động từ *"giữ, truyền, chuyền, gánh, đắp, be"* đã khẳng định sứ mệnh thiêng liêng của Nhân dân trong công cuộc xây dựng Đất Nước.

- Liệt kê *"hạt lúa, lửa, hòn than, giọng điệu, tiếng nói, tên xã, tên làng"* → những giá trị vật chất hoặc tinh thần đã làm nên Đất Nước và đều gắn bó thân thiết với cuộc sống hằng ngày của Nhân dân.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân"

2.2. Câu 55 – 90:

c. Vẻ đẹp của Nhân dân trong ca dao thần thoại

- Tư tưởng cốt lõi: Đất Nước của Nhân dân

+ Những khái niệm Đất Nước, Nhân dân được viết hoa trang trọng và lặp lại nhiều lần → sự gắn bó không thể tách rời giữa Đất Nước và Nhân dân

+ Nhân dân đã gửi gắm tâm tư tình cảm, thân phận và nỗi đau, tình yêu và khát vọng trong văn học dân gian, trong *"ca dao thần thoại"* -->Thế nên, *"Đất Nước của Nhân dân"* cũng chính là *"Đất Nước của ca dao thần thoại".*

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân"

2.2. Câu 55 – 90:

c. Ve ̉đẹp của Nhân dân trong ca dao thần thoại

- Từ ca dao, thần thoại, nhà thơ đã khám phá ra những vẻ đẹp tâm hồn và tính cách của dân tộc:

Đó là:

+ Sư ̣say đắm và thuỷ chung trong tình yêu: ***"Dạy anh biết "yêu em từ thuở trong nôi",***

+ Lòng quý trọng nghĩa tình ***"Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội"***

+ Sư ̣kiên gan, bền chí trong công cuộc bảo vệ Đất Nước ***"Biết trồng tre đợi ngày thành gậy - Đi trả thù mà không sợ dài lâu"***

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân"

2.2. Câu 55 – 90:

c. Vẻ đẹp của Nhân dân trong ca dao thần thoại

- Ca dao thần thoại còn ngân vang trong những lời ca về Đất Nước:

+ Tứ thơ xuất phát từ cảm hứng về những câu hò ngọt ngào trên khắp mọi miền quê hương, gắn với bao dòng sông xanh thắm.

+ Đó là những tiếng hát được truyền từ đời này sang đời khác, thể hiện tình yêu với cuộc sống lao động, với quê hương Đất Nước, thể hiện tinh thần lạc quan yêu cuộc sống của Nhân dân ta.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Phần 2: Tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân"

2.2. Câu 55 – 90:

c. Vẻ đẹp của Nhân dân trong ca dao thần thoại

- Ca dao thần thoại còn ngân vang trong những lời ca về Đất Nước:

→ Hình ảnh Nhân dân không chỉ hiện lên với sự lam lũ, vất vả, một nắng hai sương trong lao động; dũng cảm, xả thân trong chiến đấu mà còn vô cùng lãng mạn, bay bổng, lạc quan trong cuộc sống thường ngày. Đó chính là những vẻ đẹp cốt yếu và tiêu biểu nhất của con người Việt Nam qua bao thế hệ...

III. TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật:

- Sử dụng đậm đặc chất liệu văn hóa dân gian.
- Ngôn từ, hình ảnh bình dị, dân dã, giàu sức gợi.
- Giọng điệu thơ biến đổi linh hoạt.
- Sức truyền cảm lớn từ sự hòa quyện của chất chính luận và chất trữ tình.

2. Ý nghĩa văn bản:

Đoạn trích Đất Nước đã thể hiện một cách cảm nhận mới về Đất Nước, qua đó khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tự hào về nền văn hóa đậm đà bản sắc Việt Nam.